**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề của đời sống** | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và băng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. ( Câu …)  - Nhận biết được các kiểu câu phân loại theo mục đích nói ( Câu …)  - Phân biệt được câu phủ định và câu khẳng định. ( Câu …)  **Thông hiểu**:  - Nêu được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản  ( Câu …)  - Xác định và lí giải được mục đích và quan điểm của người viết ( Câu …)  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng ( Câu …)  - Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.  ( Câu …)  - Phân tích được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. ( Câu …)  **Vận dụng:**  - Thể hiện thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả.( Câu …)  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản ( Câu …) | 3 TN | 5TN | 2TL | |  |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề của đời sống** | **Nhận biết:**  - Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  - Xác định được vấn đề của đời sống cần bàn luận.  - Nêu được lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề đời sống cần bàn luận.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề xã hội cần bàn luận.  - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng và phân tích dẫn chứng hợp lí, thuyết phục.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đời sống  - Biết sử dụng các yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm phong phú của bản thân để bàn luận về vấn đề của đời sống.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.  - Đánh giá được ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận. |  |  |  | | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | | **40** | | |